

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 144 /SNN-VP
V/v Tuyên truyền Kế hoạch chi tiết
về chuyển đổi mã mạng

Ninh Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở

Căn cứ Công văn số 826/STTTT-TTBCXB ngày 14/9/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc tuyên truyền Kế hoạch chi tiết về chuyển đổi mã mạng, Sở Nông nghiệp & PTNT yêu cầu các đơn vị triển khai thực một số nội dung sau:

1. Triển khai, tuyên truyền thực hiện Kế hoạch chi tiết về chuyển đổi mã mạng của các doanh nghiệp viễn thông (có Văn bản số 2996/BTTTT-CVT ngày 07/9/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo).

2. Tăng cường tuyên truyền về sự cần thiết của việc chuyển đổi mã mạng, các biện pháp hạn chế tác động của việc chuyển đổi mã mạng theo nội dung Văn bản số 597/STTTT-TTBCXB ngày 05/7/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông (có Văn bản số 597/STTTT-TTBCXB ngày 05/7/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông kèm theo).

Yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT để Sở tổng hợp, báo cáo theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Thông tin & Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT-MC.

TL. GIÁM ĐỐC
Q. CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Xuân Thu

6

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2996**/BT-TT-CVT

V/v Kế hoạch chi tiết
về chuyển đổi mã mạng

Hà Nội, ngày **07** tháng 9 năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỐ ĐẾN: **3333**
NGÀY: **16/9/2018**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tiếp theo công văn số 1625/BT-TT-CVT ngày 25/5/2018 về việc thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi mã mạng, để hạn chế tối đa ảnh hưởng không tích cực có thể phát sinh đối với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ viễn thông trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã mạng, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Ủy ban nhân dân chỉ đạo các cơ quan báo chí, các Sở, Ngành, chính quyền cơ sở trên địa bàn tổ chức phổ biến, tuyên truyền về:

1. Kế hoạch chi tiết về chuyển đổi mã mạng của các doanh nghiệp viễn thông (kèm theo công văn này).
2. Tăng cường tuyên truyền về sự cần thiết của việc chuyển đổi mã mạng, các biện pháp hạn chế tác động của việc chuyển đổi mã mạng... được nêu trong tài liệu cung cấp thông tin về kế hoạch chuyển đổi mã mạng kèm theo công văn số 1625/BT-TT-CVT nêu trên.

Trân trọng./. *Uan*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Thứ trưởng Phạm Hồng Hải;
- Lưu: VT, CVT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Hồng Hải
Phạm Hồng Hải

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT CHUYỂN ĐỔI MÃ MẠNG
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG**
(Kèm theo công văn số 2996/BTTTT-CVT ngày 07/9/2018)

TT	Doanh nghiệp viễn thông	Mã mạng cũ và số thuê bao		Mã mạng mới và số thuê bao	Thời gian chuyển đổi
1	MobiFone	120 xxxxxxxx	➔	70 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018
2		121 xxxxxxxx	➔	79 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 21/9/2018
3		122 xxxxxxxx	➔	77 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 25/9/2018
4		126 xxxxxxxx	➔	76 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 28/9/2018
5		128 xxxxxxxx	➔	78 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 02/10/2018
6	VinaPhone	123 xxxxxxxx	➔	83 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 24/9/2018
7		124 xxxxxxxx	➔	84 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018
8		125 xxxxxxxx	➔	85 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 27/9/2018
9		127 xxxxxxxx	➔	81 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 18/9/2018
10		129 xxxxxxxx	➔	82 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 21/9/2018
11	Viettel	162 xxxxxxxx	➔	32 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 07/10/2018
12		163 xxxxxxxx	➔	33 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 05/10/2018
13		164 xxxxxxxx	➔	34 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 03/10/2018
14		165 xxxxxxxx	➔	35 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 27/9/2018
15		166 xxxxxxxx	➔	36 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 25/9/2018
16		167 xxxxxxxx	➔	37 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 23/9/2018
17		168 xxxxxxxx	➔	38 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 19/9/2018
18		169 66xxxxxx	➔	39 66xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018
		169 xxxxxxxx	➔	39 xxxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 17/9/2018
19	Vietnamobile	186 4xxxxxxx	➔	56 4xxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018
		186 2xxxxxxx	➔	56 2xxxxxxx	
		186 3xxxxxxx	➔	56 3xxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 17/9/2018
		186 5xxxxxxx	➔	56 5xxxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 23/9/2018
		186 6xxxxxxx	➔	56 6xxxxxxx	

TT	Doanh nghiệp viễn thông	Mã mạng cũ và số thuê bao		Mã mạng mới và số thuê bao	Thời gian chuyển đổi
20	Vietnamobile	186 7xxxxxx	➔	56 7xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 23/9/2018
		186 8xxxxxx	➔	56 8xxxxxx	
		186 9xxxxxx	➔	56 9xxxxxx	
		188 2xxxxxx	➔	58 2xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 21/9/2018
		188 3xxxxxx	➔	58 3xxxxxx	
		188 4xxxxxx	➔	58 4xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 19/9/2018
		188 5xxxxxx	➔	58 5xxxxxx	
		188 6xxxxxx	➔	58 6xxxxxx	
		188 7xxxxxx	➔	58 7xxxxxx	
		188 8xxxxxx	➔	58 8xxxxxx	
188 9xxxxxx	➔	58 9xxxxxx			
21	Gmobile	199 2xxxxxx	➔	59 2xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018
		199 3xxxxxx	➔	59 3xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 17/9/2018
		199 8xxxxxx	➔	59 8xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 19/9/2018
		199 9xxxxxx	➔	59 9xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 21/9/2018
22	Mạng viễn thông cố định vệ tinh (VSAT)	99 2xxxxxx	➔	67 2xxxxxx	Từ 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018 Cho thuê bao khu vực miền Bắc
					Từ 00 giờ 00 phút ngày 16/9/2018 Cho thuê bao khu vực miền Trung và miền Nam
					Từ 00 giờ 00 phút ngày 17/9/2018 Cho thuê bao phục vụ phòng chống thiên tai

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 597/STTTT-TTBCXB

V/v thông tin, tuyên truyền
chuyển đổi mã mạng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 05 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo Ninh Bình; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 223/UBND-VP6 ngày 7/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình và các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện thông tin tuyên truyền chuyển đổi mã mạng.

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung sau:

1. Đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động các nội dung tại Quyết định số 789/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã mạng, trong đó chú trọng tuyên truyền, quán triệt về thời gian thực hiện chuyển đổi mã mạng; sự cần thiết của sự chuyển đổi mã mạng; các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng tác động của việc chuyển đổi mã mạng....

2. Đề nghị Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình; Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài truyền thanh các huyện, thành phố đăng tải, thông tin, tuyên truyền sâu rộng nội dung Quyết định số 789/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã mạng đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh, trong đó:

- Tập trung tuyên truyền nội dung chính của Kế hoạch là chuyển đổi mã mạng VSAT từ 99.2xxxxxx sang mã mạng 67.2xxxxxx và chuyển đổi mã mạng của thuê bao di động 11 số về 10 số.

- Thời gian bắt đầu chuyển đổi vào 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018 và kết thúc chuyển đổi vào 23 giờ 59 phút ngày 30/6/2019, cụ thể:

- Thời gian bắt đầu chuyển đổi vào 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018 và kết thúc chuyển đổi vào 23 giờ 59 phút ngày 30/6/2019, cụ thể:

+ Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 15/9/2018 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 14/11/2018.

+ Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 15/11/2018 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 30/6/2019.


- Tuyên truyền về sự cần thiết của việc chuyển đổi mã mạng; các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng tác động của việc chuyển đổi mã mạng...

(Gửi kèm bản chụp Quyết định số 789/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông và tài liệu phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền)

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan báo chí và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, thực hiện đảm bảo thời gian, lộ trình theo Kế hoạch chuyển đổi mã mạng của Bộ Thông tin và Truyền thông ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (th);
- Phòng Văn hóa và Thông tin; Đài Truyền thanh các huyện, thành phố (th);
- Lưu: VT, TTBCXB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thảo

TÀI LIỆU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MÃ MẠNG

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, nhiều loại hình dịch vụ viễn thông mới ra đời và phát triển. Trước đây chỉ có điện thoại cố định, chưa có điện thoại di động thì nay đã có dịch vụ di động từ 2G, 3G đến 4G và sắp tới là 5G, kết nối Internet vạn vật (IoT)... Vì vậy cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch kho số để đáp ứng xu thế phát triển lâu dài cho thị trường viễn thông, yêu cầu phát triển của nền kinh tế số: giao thông thông minh, y tế thông minh, hệ thống điện lực thông minh... phục vụ cách mạng công nghiệp 4.0, tránh tình trạng thiếu kho số cho di động trong khi thừa kho số cho cố định. Với sự cần thiết đó, căn cứ Luật Viễn thông và Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quy hoạch kho số viễn thông kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014, trong đó điều chỉnh quy hoạch mã vùng và quy hoạch mã mạng.

Việc chuyển đổi mã vùng đã hoàn thành vào tháng 8/2017, bước tiếp theo là chuyển đổi mã mạng. Vì vậy, sau khi có sự thống nhất cao của tất cả các doanh nghiệp viễn thông di động, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã mạng kèm theo Quyết định số 798/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2018.

Việc điều chỉnh Quy hoạch kho số viễn thông, chuyển đổi mã vùng và chuyển đổi mã mạng như nêu trên là cần thiết và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Nội dung chính của Kế hoạch

Nội dung chính của Kế hoạch là chuyển đổi mã mạng VSAT từ 99.2xxxxxx sang mã mạng 67.2xxxxxx và chuyển đổi mã mạng của thuê bao di động 11 số về 10 số như sau:

STT	Doanh nghiệp	Mã mạng cũ	Mã mạng mới
1	MobiFone	120, 121, 122, 126, 128	70, 79, 77, 76, 78
2	VinaPhone	123, 124, 125, 127, 129	83, 84, 85, 81, 82
3	Viettel	162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169	32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39
4	Vietnamobile	186, 188	56, 58
5	Gmobile	199	59

Thời gian bắt đầu chuyển đổi vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018 và kết thúc chuyển đổi vào 23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019:

- Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018;

- Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019.

3. Một số tác động và biện pháp hạn chế tác động

Tất cả 10 chữ số của thuê bao di động 10 số vẫn được giữ nguyên không thay đổi. Ví dụ: muốn gọi tới số di động 10 số của VinaPhone là 091.2345678 thì trước và sau khi đổi mã mạng ta vẫn quay số 091.2345678, không có gì thay đổi.

Số thuê bao (7 chữ số cuối) của thuê bao di động 11 số và của thuê bao VSAT được giữ nguyên không thay đổi, chỉ thay đổi mã mạng. Ví dụ: muốn gọi tới số di động 11 số của VinaPhone là 0123.4567890, trước khi đổi mã mạng ta quay số 0123.4567890 thì sau khi đổi mã mạng ta quay số 083.4567890. Nghĩa là chỉ thay mã mạng cũ (123) bằng mã mạng mới (83) khi quay số.

Theo báo cáo của các doanh nghiệp viễn thông thì có khoảng 60 triệu thuê bao di động 11 số và khoảng 700 thuê bao VSAT chịu sự tác động của Kế hoạch.

Các sản phẩm có gắn với mã mạng (ví dụ: card visit, bao bì, biển quảng cáo...), các số điện thoại lưu giữ trong điện thoại di động... chịu sự tác động của Kế hoạch.

Việc chuyển đổi mã mạng là cần thiết và đem lại lợi ích lâu dài cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhưng có tác động đến doanh nghiệp viễn thông và người sử dụng. Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các biện pháp thông tin, tuyên truyền kết hợp với các biện pháp kỹ thuật để hạn chế tối đa tác động, với 4 bước thực hiện như sau:

(1) Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước, cơ quan quản lý viễn thông các nước, Liên minh Viễn thông Quốc tế trước thời điểm chuyển đổi khoảng 3,5 tháng. Các doanh nghiệp viễn thông triển khai việc phát tờ rơi, cung cấp thông tin cho các đại lý, điểm cung cấp dịch vụ viễn thông về việc chuyển đổi mã mạng; giải đáp, hỗ trợ khách hàng qua tổng đài chăm sóc khách hàng; cung cấp, hỗ trợ phần mềm cập nhật danh bạ điện thoại...

(2) Tiến hành quay số song song trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm bắt đầu chuyển đổi. Trong thời gian này người sử dụng quay số theo mã mạng cũ hoặc quay số theo mã mạng mới thì cuộc gọi đều thành công.

(3) Duy trì âm thông báo trong thời gian khoảng 7,5 tháng kể từ thời điểm kết thúc việc quay số song song. Trong thời gian này các cuộc gọi quay số theo mã mạng mới được tiến hành bình thường; các cuộc gọi quay số theo mã mạng cũ sẽ nhận được âm thông báo (bằng 02 thứ tiếng, tiếng Việt và tiếng Anh) cho biết mã mạng đã thay đổi và hướng dẫn quay số theo mã mạng mới.

(4) Kết thúc duy trì âm thông báo: Các cuộc gọi chỉ thực hiện thành công khi người sử dụng quay số theo mã mạng mới.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và áp dụng đối với các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 798/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã mạng

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch kho số viễn thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi mã mạng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

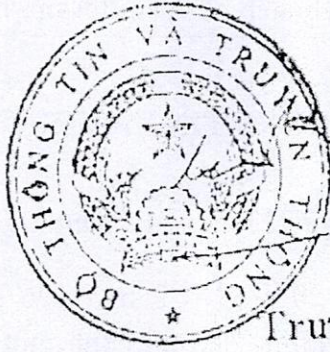
Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc, Giám

liệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm theo quyết định này./. *F*

BỘ TRƯỞNG

các Thứ trưởng; các cơ quan,
tổ chức thông tin điện tử;
các doanh nghiệp thuộc TTTT;

in thông;



Trương Minh Tuấn

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI MÃ MẠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **798/QĐ-BTTTT**
ngày **25 tháng 5 năm 2018** của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Triển khai Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch chuyển đổi mã mạng (sau đây gọi là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu của Kế hoạch

1. Mục đích của Kế hoạch:

Đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng không tích cực có thể phát sinh đối với doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ, hài hòa giữa lợi ích và chi phí xã hội.

2. Yêu cầu của Kế hoạch:

a) Đảm bảo an toàn mạng lưới viễn thông và an ninh thông tin trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã mạng;

b) Việc chuyển đổi mã mạng được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện cho doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ;

c) Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu tối đa việc mất liên lạc có thể xảy ra trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã mạng bằng hình thức cho phép người sử dụng dịch vụ có thể quay số theo mã mạng cũ và mã mạng mới (quay số song song) trong thời gian chuyển đổi mã mạng; duy trì âm: thông báo sau khi chuyển đổi mã mạng trong một khoảng thời gian hợp lý;

d) Phù hợp với thông lệ quốc tế khi tiến hành chuyển đổi mã mạng;

đ) Các mã mạng viễn thông được chuyển đổi và đưa vào khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với Quy hoạch kho số viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 22/2014/TT-BTTTT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

II. Nội dung của Kế hoạch

1. Rà soát, bóc tách số thuê bao H2H và số thuê bao M2M.

Để đảm bảo số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng cho thuê bao viễn thông là người (số thuê bao H2H) được chuyển đổi đúng về mã mạng viễn thông di động mặt đất dùng cho phương thức giao tiếp giữa người với người (mã mạng H2H), số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng cho thuê bao viễn thông là thiết bị (số thuê bao M2M) được chuyển đổi đúng về mã mạng viễn thông di động mặt đất dùng cho phương thức giao tiếp giữa thiết bị với thiết bị (mã

ạng M2M), các doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm rà soát, bóc tách số thuê bao H2H và số thuê bao M2M như sau:

1.1 Thuê bao M2M: Thuê bao M2M là thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất được sử dụng để trao đổi thông tin giữa thiết bị với thiết bị hoặc hệ thống thiết bị thông qua việc truyền, nhận dữ liệu (data), tin nhắn (SMS), không truyền và nhận thoại (trừ báo hiệu).

1.2 Thuê bao H2H: Thuê bao H2H là thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất còn lại ngoài thuê bao M2M quy định tại mục 1.1 nêu trên.

2. Giai đoạn 1: chuyển đổi mã mạng H2H và mã mạng viễn thông cố định (mã mạng VSAT)

2.1 Chuyển đổi mã mạng H2H

Các thuê bao H2H đang sử dụng tại 21 mã mạng 1xx (độ dài 11 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0") sẽ chuyển sang 21 mã mạng (độ dài 10 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0") như sau:

STT	Doanh nghiệp	Mã mạng cũ	Mã mạng mới
1	MobiFone	120, 121, 122, 126, 128	70, 79, 77, 76, 78
2	VinaPhone	123, 124, 125, 127, 129	83, 84, 85, 81, 82
3	Viettel	162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169	32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39
4	Vietnamobile	186, 188	56, 58
5	Gmobile	199	59

2.2 Chuyển đổi mã mạng VSAT

Chuyển đổi mã mạng VSAT từ 99 2xxxxxx sang mã mạng 67 2xxxxxx.

2.3 Các bước tiến hành

Để đảm bảo giảm thiểu tối đa việc mất liên lạc có thể xảy ra trước, trong và sau quá trình chuyển đổi, việc chuyển đổi tiến hành theo 4 bước như sau:

a) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước, cơ quan quản lý viễn thông các nước, Liên minh Viễn thông Quốc tế trước thời điểm chuyển đổi tối thiểu 60 ngày;

b) Tiến hành các biện pháp kỹ thuật để quay số song song trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm bắt đầu chuyển đổi;

Ví dụ: Trong thời gian này người sử dụng quay số theo mã mạng cũ vào thuê bao mạng di động VinaPhone là 0123.4567890 hoặc quay số theo mã mạng mới là 83.4567890 thì cuộc gọi đều thành công.

c) Duy trì âm thông báo trong thời gian tối thiểu 90 ngày (kể từ thời điểm kết thúc việc quay số song song). Trong thời gian này các cuộc gọi quay số theo mã mạng mới được tiến hành bình thường, các cuộc gọi quay số theo mã mạng cũ được tiếp nhận vào âm thông báo (bằng 02 thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh) cụ thể:

c1.) Đối với cuộc gọi trong nước, tổng đài xuất phát cuộc gọi của doanh nghiệp viễn thông nào thì doanh nghiệp viễn thông đó thực hiện phát âm thông báo.

Âm thông báo như sau: “Xin thông báo: mã mạng (*mã mạng cũ*) đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay (*0+mã mạng cũ*) thành (*0+mã mạng mới*). Please note that: the network code (*old network code*) has been changed. Please redial, replacing (*0+old network code*) with (*0+new network code*)”.

Ví dụ: Người sử dụng tại Việt Nam quay số theo mã mạng cũ vào thuê bao mạng di động VinaPhone là 0123.4567890 sẽ nhận âm thông báo như sau: “Xin thông báo: mã mạng 123 đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay 0123 thành 083. Please note that: the network code 123 has been changed. Please redial, replacing 0123 with 083”.

c2) Đối với cuộc gọi từ quốc tế về Việt Nam, Gateway của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quốc tế chiêu về thực hiện phát âm thông báo.

Âm thông báo như sau: “Please note that: the network code (*old network code*) has been changed. Please redial, replacing (*country code + old network code*) with (*country code + new network code*). Xin thông báo: mã mạng (*mã mạng cũ*) đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay (*mã nước+mã mạng cũ*) thành (*mã nước+mã mạng mới*)”.

Ví dụ: Người sử dụng ở ngoài Việt Nam quay số theo mã mạng cũ vào thuê bao mạng di động VinaPhone là +84.123.4567890 sẽ nhận âm thông báo như sau: “Please note that: the network code 123 has been changed. Please redial, replacing 84123 with 8483. Xin thông báo: mã mạng 123 đã thay đổi. Đề nghị Quý khách quay số lại, thay 84123 thành 8483”.

d) Kết thúc duy trì âm thông báo: Các cuộc gọi chỉ thực hiện thành công khi người sử dụng quay số theo mã mạng mới.

2.4 Thời gian thực hiện

Để đảm bảo việc chuyển đổi được an toàn và thuận lợi, thời gian bắt đầu chuyển đổi được thực hiện vào thứ Bảy hoặc Chủ Nhật, tránh các ngày lễ, Tết; cụ thể như sau:

- a) Thời gian bắt đầu chuyển đổi vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018;
- b) Thời gian bắt đầu quay số song song vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018 và kết thúc quay số song song vào 23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018;
- c) Thời gian bắt đầu duy trì âm thông báo vào 00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018 và kết thúc âm thông báo vào 23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Bảng mô tả chi tiết chuyển đổi mã mạng H2H và mã mạng VSAT tại phụ lục I kèm theo.

3. Giai đoạn 2: chuyển đổi mã mạng M2M

Các thuê bao M2M đang sử dụng tại các mã mạng 9x (độ dài 10 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0") và mã mạng 1xx (độ dài 11 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0") sẽ chuyển sang mã mạng M2M 1x (độ dài 11 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0"). Việc chuyển đổi thuê bao M2M hiện tại về mã mạng M2M 1x được thực hiện như sau:

3.1 Căn cứ Quy hoạch kho số viễn thông, hiện trạng và nhu cầu sử dụng kho số M2M của mình, doanh nghiệp viễn thông đề nghị Cục Viễn thông phân bổ mã mạng M2M 1x để chuyển đổi và phát triển mới thuê bao M2M.

3.2 Các thuê bao M2M đang sử dụng tại 21 mã mạng 1xx (độ dài 11 chữ số bao gồm cả số mào đầu "0") được giữ nguyên trạng (không chuyển đổi) trong quá trình chuyển đổi mã mạng H2H và mã mạng VSAT được nêu tại mục 2 phần này.

3.3 Để đảm bảo việc sử dụng kho số M2M tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với hiện trạng sử dụng của từng doanh nghiệp, phù hợp với quy hoạch kho số viễn thông và tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng, các doanh nghiệp viễn thông chủ động làm việc với các chủ thuê bao M2M để chuyển thuê bao M2M từ mã mạng 9x và thuê bao M2M từ mã mạng 1xx về mã mạng M2M 1x đã được phân bổ. Việc chuyển đổi này có thể làm thay đổi hoặc không thay đổi số quốc gia có nghĩa (mã mạng + số thuê bao) của thuê bao M2M do doanh nghiệp viễn thông di động và chủ thuê bao M2M đó thỏa thuận.

3.4 Thời gian thực hiện

Doanh nghiệp viễn thông di động chủ động làm việc với các chủ thuê bao M2M để chuyển thuê bao M2M về mã mạng M2M 1x trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2020.

Bảng mô tả chi tiết chuyển đổi mã mạng M2M tại Phụ lục 2 kèm theo.

III. Tổ chức thực hiện

1. Cục Viễn thông tổ chức và chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp kết quả báo cáo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí căn cứ Kế hoạch này thực hiện thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi mã mạng để mọi tổ chức, cá nhân có liên quan được biết nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng không tích cực có thể phát sinh đối với doanh nghiệp và người sử dụng dịch vụ.

3. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương phối hợp với các cơ quan báo chí và các đơn vị liên quan trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến về Kế hoạch này.

4. Các doanh nghiệp viễn thông:

4.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi mã mạng của mình phù hợp với Kế hoạch này;

4.2. Thông báo việc chuyển đổi mã mạng trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 60 ngày trước khi tiến hành chuyển đổi mã mạng;

4.3. Hướng dẫn người sử dụng dịch vụ viễn thông cách thức quay số theo Kế hoạch này;

4.4. Phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông trong và ngoài nước có liên quan thực hiện việc chuyển đổi mã mạng;

4.5. Triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến liên lạc (nếu có) trước, trong và sau quá trình chuyển đổi mã mạng;

4.6. Báo cáo bằng văn bản cho Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông về kết quả chuyển đổi mã mạng.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông để được xem xét, hướng dẫn và giải quyết. /

BỘ TRƯỞNG



Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC I
 Bảng mô tả chi tiết chuyển đổi mã mạng H2H và mã mạng VSAT
 (kèm theo Kế hoạch chuyển đổi mã mạng)

TT	Mã mạng	Mã mạng cũ+số thuê bao (Số quốc gia có nghĩa)	Mã mạng mới+số thuê bao (Số quốc gia có nghĩa)	Thời gian bắt đầu chuyển đổi	Thời gian quay số song song		Thời gian duy trì âm thông báo	
					Bắt đầu	Kết thúc	Bắt đầu	Kết thúc
1		120 xxxxxxxx	70 xxxxxxxx	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019
		121 xxxxxxxx	79 xxxxxxxx					
		122 xxxxxxxx	77 xxxxxxxx					
		126 xxxxxxxx	76 xxxxxxxx					
		128 xxxxxxxx	78 xxxxxxxx					
2	Mã mạng H2H	123 xxxxxxxx	83 xxxxxxxx	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019
		124 xxxxxxxx	84 xxxxxxxx					
		125 xxxxxxxx	85 xxxxxxxx					
		127 xxxxxxxx	81 xxxxxxxx					
		129 xxxxxxxx	82 xxxxxxxx					
3		162 xxxxxxxx	32 xxxxxxxx	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019
		163 xxxxxxxx	33 xxxxxxxx					
		164 xxxxxxxx	34 xxxxxxxx					
		165 xxxxxxxx	35 xxxxxxxx					
		166 xxxxxxxx	36 xxxxxxxx					
4		167 xxxxxxxx	37 xxxxxxxx	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019
		168 xxxxxxxx	38 xxxxxxxx					
		169 xxxxxxxx	39 xxxxxxxx					
5		186 xxxxxxxx	56 xxxxxxxx	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 9 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018	00 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018	23 giờ 59 phút ngày 30 tháng 6 năm 2019
		188 xxxxxxxx	58 xxxxxxxx					
6	Mã mạng VSAT	99 2xxxxxxx	67 2xxxxxxx					

PHỤ LỤC 2

**Bảng mô tả chi tiết chuyển đổi mã mạng M2M
(kèm theo Kế hoạch chuyển đổi mã mạng)**

TT	Mã mạng	Mã mạng cũ+số thuế bao (Số quốc gia có nghĩa)	Mã mạng mới+số thuế bao (Số quốc gia có nghĩa)	Thời gian thực hiện
1		90 xxxxxxxx 93 xxxxxxxx 120 xxxxxxxx 121 xxxxxxxx 122 xxxxxxxx 126 xxxxxxxx 128 xxxxxxxx	12 xxxxxxxx	
2	Mã mạng M2M	91 xxxxxxxx 94 xxxxxxxx 123 xxxxxxxx 124 xxxxxxxx 125 xxxxxxxx 127 xxxxxxxx 129 xxxxxxxx 96 xxxxxxxx 97 xxxxxxxx 98 xxxxxxxx 162 xxxxxxxx 163 xxxxxxxx 164 xxxxxxxx 165 xxxxxxxx 166 xxxxxxxx 167 xxxxxxxx 168 xxxxxxxx 169 xxxxxxxx	13 xxxxxxxx	Doanh nghiệp viễn thông đi động chủ động làm việc với các chủ thuê bao M2M để chuyển thuế bao M2M về mã mạng M2M 1x trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2020.
3			16 xxxxxxxx	